

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Văn Hạng	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Huy	Thành viên
Ông Phí Ngọc Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Ánh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Quốc Huy	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh	Phó Giám đốc
Ông Phan Thanh Sang	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Ông Lê Sanh Thành	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
Số 131, Trần Hưng Đạo, phường An Phú, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *duh*



Trần Quốc Huy
Giám đốc

Ngày 17 tháng 8 năm 2017

Số: 801 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 8 năm 2017, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

(I) Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 39,1 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 33,9 tỷ VND); lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 323,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 312,2 tỷ VND) và đã vượt quá vốn góp của chủ sở hữu. Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khoản vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm số dư gốc vay quá hạn, chưa được thanh toán và đang bị khởi kiện, với số tiền khoảng 119,5 tỷ VND. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông cũng như dòng tiền, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng soát xét cần thiết về cam kết tiếp tục hỗ trợ tài chính từ các cổ đông, kế hoạch dòng tiền của Công ty trong vòng ít nhất 12 tháng sắp tới cũng như các bằng chứng cho thấy khả năng trả nợ của Công ty cho các khoản nợ đến hạn và đã quá hạn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận (Tiếp theo)

(ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa ghi nhận vào kết quả kinh doanh dự phòng giảm giá hàng tồn kho là chênh lệch giữa giá trị còn lại của hàng hóa bất động sản đầu tư tại dự án Bạc Liêu Tower và giá bán dự kiến của dự án này, với số tiền khoảng 3,4 tỷ VND. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu Công ty ghi nhận giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho nêu trên vào kết quả kinh doanh trong kỳ thì trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản mục "Dự phòng giảm giá hàng tồn kho" sẽ tăng lên khoảng 3,4 tỷ VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp" sẽ tăng khoảng 3,4 tỷ VND và lỗ trước thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ tăng lên một số tiền tương ứng.

(iii) Như trình bày tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm khoảng 4,9 tỷ VND là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại các đội xây dựng và xí nghiệp tư vấn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 5,1 tỷ VND). Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được cho các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang này nên chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được cho chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

(iv) Như trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ với giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho khoản đầu tư này lần lượt là 5,4 tỷ VND và 5,4 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị hợp lý đối với khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

(v) Như trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ chưa tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (Oceanbank Cà Mau) về các khoản lãi vay và lãi phạt liên quan đến khoản vay của Công ty tại Oceanbank, do đó, Công ty chưa ghi nhận chi phí lãi vay, phạt chậm trả cho Oceanbank Cà Mau với số tiền là khoảng 41,8 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định chi phí lãi vay, lãi phạt chậm trả cần được ghi nhận trong báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về báo cáo tài chính giữa niên độ này.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 8 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		317.446.178.000	363.564.906.975
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	20.231.732.109	32.290.920.633
1. Tiền	111		16.230.945.574	15.002.832.633
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.786.535	17.288.088.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		92.526.771.912	131.185.895.689
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	89.291.688.748	99.769.290.179
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	4.574.066.337	26.186.000.637
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	24.513.349.770	31.466.226.104
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(25.852.332.943)	(29.145.116.416)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	9	-	2.909.495.185
III. Hàng tồn kho	140	10	201.615.155.679	196.623.427.465
1. Hàng tồn kho	141		235.918.520.925	230.926.792.711
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(34.303.365.246)	(34.303.365.246)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.072.518.300	3.464.663.188
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		98.872.720	302.444.770
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.973.645.580	3.162.218.418
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.643.107.081	16.676.067.764
I. Tài sản cố định	220		10.134.681.126	10.609.577.551
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	10.033.431.126	10.508.327.547
- Nguyên giá	222		29.859.874.594	29.859.874.594
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.826.443.468)	(19.351.547.047)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	101.250.000	101.250.004
- Nguyên giá	228		338.318.800	338.318.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(237.068.800)	(237.068.796)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		361.276.885	153.559.383
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		361.276.885	153.559.383
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	5.400.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	5.400.000.000	5.400.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.400.000.000)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		147.149.070	512.930.830
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		147.149.070	512.930.830
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		328.089.285.081	380.240.974.739

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017



Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		356.551.370.918	397.510.379.219
I. Nợ ngắn hạn	310		356.551.370.918	397.510.379.219
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	99.475.751.111	82.920.061.545
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	1.693.693.403	16.481.277.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	29.851.875.397	31.884.142.053
4. Phải trả người lao động	314		947.501.976	1.042.986.422
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	37.703.335.323	73.356.524.064
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		271.169.699	271.169.699
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	67.068.413.691	69.127.587.855
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	119.539.630.318	122.426.630.318
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(28.462.085.837)	(17.269.404.480)
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	(28.462.085.837)	(17.269.404.480)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.689.000.000	280.689.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.689.000.000	280.689.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.126.552.489	6.126.552.489
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.147.302.725	8.147.302.725
4. (Lỗ) lũy kế	421		(323.424.941.051)	(312.232.259.694)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(312.232.259.694)	(294.708.243.540)
- (Lỗ) kỳ này	421b		(11.192.681.357)	(17.524.016.154)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		328.089.285.081	380.240.974.739



Vũ Đức Tiến
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 8 năm 2017

Phan Quốc Phương
Kế toán trưởng



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017



Đơn vị: VND

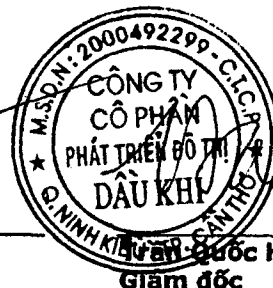
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	139.442.698.936	37.144.710.100
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		139.442.698.936	37.144.710.100
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	137.055.104.357	35.128.009.722
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.387.594.579	2.016.700.378
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		60.646.621	76.900.981
7. Chi phí tài chính	22		5.400.000.000	275.638.667
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	275.638.667
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.192.957.036	4.606.244.601
9. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		(4.144.715.836)	(2.788.281.909)
10. Thu nhập khác	31		2.228.183.866	188.917.710
11. Chi phí khác	32	25	9.276.149.387	972.376.893
12. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(7.047.965.521)	(783.459.183)
13. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(11.192.681.357)	(3.571.741.092)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
15. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(11.192.681.357)	(3.571.741.092)
16. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(399)	(127)



Vũ Đức Tiến
Người lập biểu

Ngày 17 tháng 8 năm 2017



Phan Quốc Phương
Kế toán trưởng



Phan Quốc Huy
Giám đốc


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

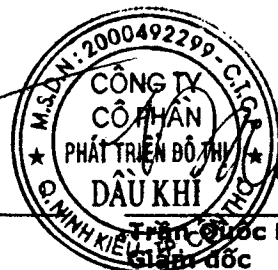
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(11.192.681.357)	(3.571.741.092)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	474.896.425	743.409.926
Các khoản dự phòng	03	2.107.216.527	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(60.646.621)	(76.900.981)
Chi phí lãi vay	06	-	275.638.667
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(8.671.215.026)	(2.629.593.480)
Thay đổi các khoản phải thu	09	41.744.189.748	2.305.959.096
Thay đổi hàng tồn kho	10	(4.991.728.214)	(3.106.242.322)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(37.616.496.578)	21.310.849.908
Thay đổi chi phí trả trước	12	757.926.648	191.056.275
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(153.287.667)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(247.794.221)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(444.834.851)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.025.117.643)	17.473.906.959
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(207.717.502)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	530.140.256
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	60.646.621	76.900.981
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(147.070.881)	607.041.237
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.887.000.000)	(402.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.887.000.000)	(402.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(12.059.188.524)	17.678.948.196
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.290.920.633	5.104.092.746
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	20.231.732.109	22.783.040.942


Vũ Đức Tiến
Người lập biểu


Phan Quốc Phương
Kế toán trưởng


Trần Quốc Huy
Giám đốc



Ngày 17 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000117 ngày 25 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 2000492299 ngày 23 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là 280,689 tỷ VND, tương ứng với 28.068.900 cổ phần.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 54 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 64 người).

Ngày 17 tháng 01 năm 2017, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 39/QĐ-SGDHN quyết định chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 09 tháng 02 năm 2017, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch Upcom với mã chứng khoán là PXC, số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 28.068.900 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thoát nước và xử lý nước thải; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Tái chế phế liệu; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Tư vấn hồ sơ thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị; Tư vấn đầu tư xây dựng, bao gồm: khảo sát đo đạc địa hình, khảo sát địa chất công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn quản lý dự án, tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công - lập dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình; Thẩm tra hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình, thẩm tra dự toán quy hoạch xây dựng và dự toán chi phí các công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng; Tư vấn về đấu thầu; Giám sát khảo sát, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị; Kiểm định chất lượng công trình; Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Tư vấn về định giá xây dựng công trình, lập định mức, đơn giá xây dựng công trình; Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn và dầu khí, bao gồm cả hợp đồng EPC và chìa khóa trao tay; Tư vấn xây dựng đơn giá định mức chuyên ngành xây dựng dầu khí; Kinh doanh vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng xây dựng;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, các khu nhà ở, cao ốc văn phòng, khu thương mại, khu công nghiệp và kinh doanh du lịch; Đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, bao gồm cả kinh doanh sản phẩm dầu khí, hóa dầu, phân bón, hóa chất; Tầng trữ và vận chuyển xăng, dầu, khí hóa lỏng và các sản phẩm dầu khí; Chế tạo, lắp đặt và sản xuất kinh doanh thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí; Lắp đặt hệ thống thiết bị, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp; Lắp đặt các hệ thống đường ống dẫn khí, đường dây tải điện; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị xây dựng dầu khí, điện tử, thương mại và dịch vụ tổng hợp;
- Môi giới thương mại, xúc tiến thương mại, dịch vụ quảng cáo, dịch vụ cung cấp thông tin liên mạng;

- Kinh doanh bê tông trộn sẵn; Kinh doanh vận tải vật tư, hàng hoá, hành khách bằng đường bộ và đường thủy; Cho thuê máy móc và thiết bị chuyên dùng;
- Dịch vụ tổ chức các sự kiện; Quảng cáo và nghiên cứu thị trường; Khai thác và quản lý dịch vụ văn phòng; Dịch vụ bán lẻ; Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống; Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới, khu dân cư tập trung về đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, chiếu sáng công cộng; Cung cấp các dịch vụ nhà ở cao tầng; Dịch vụ vệ sinh môi trường; Quản lý khai thác dịch vụ thể thao; Đại lý xăng dầu; Giáo dục mầm non; Vận hành khai thác và xử lý chế biến các chất thải đô thị;
- Khảo sát, lập dự án thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ; Xây dựng điểm tọa độ, độ cao địa chính; Đo vẽ thành lập bản đồ địa hình các tỷ lệ; Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ; Thành lập bản đồ chuyên đề; Khảo sát, đo đạc công trình; Đo đạc thông số môi trường; thực hiện các dịch vụ về dự báo ô nhiễm môi trường, đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Do đặc thù đa ngành nghề của Công ty nên chu kỳ sản xuất kinh doanh có sự thay đổi theo thời gian và theo từng lĩnh vực cụ thể. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng. Đối với hoạt động xây lắp, một số công trình xây dựng công nghiệp trọng điểm, có nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước, v.v chu kỳ sản xuất kinh doanh có thể trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 09 chi nhánh phụ thuộc như sau:

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 1
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 2
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 3
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 4
5. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 5
6. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 7
7. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 9
8. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 10
9. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí - Đội xây dựng số 13

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Khả năng tiếp tục hoạt động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 39,1 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 33,9 tỷ VND). Lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là khoảng 323,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 312,2 tỷ VND) và đã vượt quá vốn điều lệ của Công ty. Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khoản vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm số dư gốc vay quá hạn, chưa được thanh toán và đang bị khởi kiện, với số tiền khoảng 119,5 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 19). Các yếu tố nêu trên dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông cũng như lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Trong 6 tháng đầu năm 2017, Công ty chưa có cam kết hỗ trợ tài chính từ các cổ đông, chưa có kế hoạch dòng tiền của Công ty trong vòng ít nhất 12 tháng sắp tới và chưa có nguồn tạo tiền để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và quá hạn.

Ban Giám đốc Công ty quyết định lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cũng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của các công trình đang thi công còn đang dở dang được xác định theo chi phí thực tế đã tập hợp trong kỳ sau khi trừ đi phần chi phí đã kết chuyển vào giá vốn theo tỷ lệ giữa doanh thu và khối lượng hoàn thành nghiệm thu.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ này
	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	4 - 7
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị quản lý	3 - 4

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau giao cho Công ty sử dụng vô thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đi vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí thuê hoạt động và khoản mua sắm công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng ước tính theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản của Công ty là chủ đầu tư

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có khoản lỗ lũy kế là khoảng 323,4 tỷ VND, khoản lỗ này sẽ được xác định phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế và có thể được dùng để bù trừ với các khoản lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ kỳ phát sinh. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tiền mặt	216.947.626	274.682.538
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.013.997.948	14.728.150.095
Các khoản tương đương tiền	4.000.786.535	17.288.088.000
	<u>20.231.732.109</u>	<u>32.290.920.633</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty bao gồm khoảng 163 triệu VND là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang tạm dừng giao dịch. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Công ty TNHH TTCL Việt Nam	-	1.234.285.843
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)	82.813.027.527	92.149.646.599
Các khách hàng khác	6.478.661.221	6.385.357.737
	<u>89.291.688.748</u>	<u>99.769.290.179</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Công nghệ cao Đại Dững II	1.317.439.500	1.627.903.200
Công ty TNHH Mạnh Quang	-	8.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phước Hòa	-	4.615.795.198
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Liên Sơn	-	4.310.155.880
Các đối tượng khác	3.256.626.837	7.532.146.359
	<u>4.574.066.337</u>	<u>26.186.000.637</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Phải thu các đội xây dựng (I)	16.542.932.206	23.224.532.439
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích thừa (I)	4.917.824.644	4.917.824.644
Tạm ứng (II)	785.467.845	824.995.832
Phải thu ngắn hạn khác	2.267.125.075	2.498.873.189
	<u>24.513.349.770</u>	<u>31.466.226.104</u>

(I) Thể hiện số tiền chênh lệch giữa chi phí thực tế phát sinh tại các đội khi thi công xây dựng công trình và chi phí Công ty giao xuống các đội xây dựng.

(II) Số dư tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên của Công ty thể hiện các khoản tạm ứng cho các đội xây dựng để thực hiện công trình.

8. NỢ XẤU

Đối tượng	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u> (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi				
Phải thu đội xây dựng số 5	12.461.650.408	-	15.047.440.777	-
Phải thu đội xây dựng số 9	3.456.405.055	-	4.428.917.697	-
Phải thu Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	-	4.917.824.644	-
Các đối tượng khác	<u>12.275.919.592</u>	<u>7.259.466.756</u>	<u>9.449.141.085</u>	<u>4.698.207.787</u>
	<u>33.111.799.699</u>	<u>7.259.466.756</u>	<u>33.843.324.203</u>	<u>4.698.207.787</u>

Ban Giám đốc Công ty xác định giá trị có thể thu hồi được bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị đã dự phòng của các khoản phải thu này.

9. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư tài sản thiếu chờ xử lý phản ánh giá trị vật tư tồn kho hao hụt và chênh lệch giữa chi phí thực tế và chi phí quyết toán của dự án Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu (Bạc Liêu Tower), chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và quyết định ghi nhận tài sản thiếu chờ xử lý trên vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2017.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.288.829.278	-	2.300.893.263	-
Công cụ, dụng cụ	11.536.185	-	15.424.055	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (I)	15.749.323.325	-	10.703.601.113	-
Thành phẩm	120.216.715	-	158.258.858	-
Hàng hóa	217.748.615.422	-	217.748.615.422	-
- Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu (II)	217.748.615.422	(34.303.365.246)	217.748.615.422	(34.303.365.246)
	235.918.520.925	(34.303.365.246)	230.926.792.711	(34.303.365.246)

- (I) Bao gồm khoảng 4,9 tỷ VND chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại các đội xây dựng và xí nghiệp tư vấn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 5,1 tỷ VND). Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi của các chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang này nên chưa kết chuyển vào giá vốn các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang không thể thu hồi (nếu có).
- (II) Phản ánh giá trị hàng hóa bất động sản đầu tư tại Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu. Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp giá trị hàng hóa này để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (Oceanbank Cà Mau).

Theo Biên bản cuộc họp ngày 21 tháng 9 năm 2016 giữa UBND tỉnh Bạc Liêu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas), Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí (PVC) và Công ty về việc thống nhất phương án chuyển nhượng tòa nhà Bạc Liêu Tower, PVGas thực hiện mua, chuyển nhượng tòa nhà Bạc Liêu Tower cho UBND tỉnh Bạc Liêu với giá chuyển nhượng sau thuế là 198 tỷ VND theo hình thức trả chậm trong vòng 10 năm không tính lãi. PVGas xây dựng phương án chuyển nhượng và cùng Công ty, Oceanbank Cà Mau hoàn tất các thủ tục liên quan để chuyển nhượng tòa nhà cho UBND tỉnh Bạc Liêu.

Ngày 01 tháng 11 năm 2016, UBND tỉnh Bạc Liêu gửi Công văn số 219/TTr-UBND trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc mua tòa nhà Bạc Liêu Tower theo hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt. Ngày 14 tháng 11 năm 2016, Văn phòng Chính phủ gửi Công văn số 9760/VPCP-KTN gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các Bộ có liên quan để lấy ý kiến xem xét, quyết định.

Ngày 17 tháng 01 năm 2017, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam gửi Công văn số 380/DKVN-KH phúc đáp Công văn số 9760/VPCP-KTN ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ về việc đề nghị của UBND tỉnh Bạc Liêu xin mua tòa nhà Bạc Liêu Tower từ các đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN). Theo đó, PVN đồng ý cho người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại PVGas triển khai thực hiện mua tòa nhà Bạc Liêu Tower từ PVC/PVC-Mekong và chuyển nhượng tòa nhà Bạc Liêu Tower cho UBND tỉnh Bạc Liêu theo đúng quy định hiện hành.

Ngày 03 tháng 3 năm 2017, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 1949/VPCP-CN thông báo ý kiến của chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng về việc giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, kiểm tra làm rõ quá trình đầu tư xây dựng và việc chuyển nhượng Tòa nhà Bạc Liêu Tower, đề xuất phương án xử lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Để triển khai chỉ đạo nêu trên của Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Công văn số 2488/BKHĐT-QLĐT ngày 28 tháng 3 năm 2017 gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam báo cáo chi tiết về quá trình đầu tư xây dựng và việc chuyển giao Tòa nhà Bạc Liêu Tower.

Ngày 28 tháng 4 năm 2017, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam gửi Công văn số 2647/DKVN-KH và ngày 21 tháng 6 năm 2017, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu gửi Công văn số 145/BC-UBND phúc đáp Công văn số 2488/BKHĐT-QLĐT ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo chi tiết về quá trình đầu tư xây dựng và việc chuyển giao Tòa nhà Bạc Liêu Tower.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, việc chuyển nhượng tòa nhà Bạc Liêu Tower chưa thành công do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu và Công ty đang chờ ý kiến từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định chưa ghi nhận dự phòng tương ứng với chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán dự kiến của tòa nhà Bạc Liêu Tower với số tiền khoảng 3,4 tỷ VND vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu kỳ	14.083.724.615	2.834.352.021	11.782.408.276	1.159.389.682	29.859.874.594
Tại ngày cuối kỳ	14.083.724.615	2.834.352.021	11.782.408.276	1.159.389.682	29.859.874.594
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu kỳ	4.061.674.593	2.710.881.422	11.466.387.279	1.112.603.753	19.351.547.047
Trích khấu hao trong kỳ	331.875.861	20.385.745	75.848.886	46.785.929	474.896.421
Tại ngày cuối kỳ	4.393.550.454	2.731.267.167	11.542.236.165	1.159.389.682	19.826.443.468
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	10.022.050.022	123.470.599	316.020.997	46.785.929	10.508.327.547
Tại ngày cuối kỳ	9.690.174.161	103.084.854	240.172.111	-	10.033.431.126

Nguyên giá của tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 9.753.800.386 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 9.225.952.345 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử đụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày đầu kỳ	101.250.000	237.068.800	338.318.800
Tại ngày cuối kỳ	101.250.000	237.068.800	338.318.800
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu kỳ	-	237.068.796	237.068.796
Trích khấu hao trong kỳ	-	4	4
Tại ngày cuối kỳ	-	237.068.800	237.068.800
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	101.250.000	4	101.250.004
Tại ngày cuối kỳ	101.250.000	-	101.250.000

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thể hiện khoản đầu tư mua 540.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (Công ty 3C) theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 30 tháng 12 năm 2011 giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty không thu thập được báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét/kiểm toán của Công ty 3C cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và quyết định trích lập và ghi nhận dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư trên vào chi phí tài chính của kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2017 với số tiền là 5.400.000.000 VND.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ		trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Hiệp Thành	25.120.738.528	(1)	1.333.448.417	(1)
Công ty Bê tông Sài Gòn	2.578.331.871	(1)	7.351.492.046	(1)
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.065.459.814	(1)	2.065.459.814	(1)
Công ty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh Nhà Thành phố Cần Thơ	-	-	4.719.994.938	(1)
Các đối tượng khác	69.711.220.898	(1)	67.449.666.330	(1)
	99.475.751.111		82.920.061.545	
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)	2.803.632.514		2.803.632.514	

(1) Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.000.899.140	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	13.728.000.000
Ban điều hành dự án phía Nam - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	2.000.000.000
Các đối tượng khác	692.794.263	753.277.263
	<u>1.693.693.403</u>	<u>16.481.277.263</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	<u>Phát sinh trong kỳ</u>			
	<u>Số đầu kỳ</u> VND	<u>Số phải nộp</u> VND	<u>Số đã nộp</u> VND	<u>Số cuối kỳ</u> VND
Thuế giá trị gia tăng	15.929.137.481	3.975.951.310	8.671.974.522	11.233.114.269
- Thuế GTGT đầu ra	15.929.137.481	3.975.951.310	8.671.974.522	11.233.114.269
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.246.421.108	-	247.794.221	998.626.887
Các loại thuế khác	14.708.583.464	3.082.968.142	171.417.365	17.620.134.241
Thuế môn bài	114.251.072	-	-	114.251.072
Thuế thu nhập cá nhân	1.693.959.753	8.343.764	156.580.674	1.545.722.843
Thuế khác	12.900.372.639	3.074.624.378	14.836.691	15.960.160.326
	<u>31.884.142.053</u>	<u>7.058.919.452</u>	<u>9.091.186.108</u>	<u>29.851.875.397</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Lãi vay phải trả	7.842.586.060	7.842.586.060
Trích trước chi phí thi công công trình	20.261.926.394	65.279.733.565
Chi phí phải trả khác	9.598.822.869	234.204.439
	<u>37.703.335.323</u>	<u>73.356.524.064</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (I)	50.000.000.000	50.000.000.000
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau (II)	8.697.686.626	8.697.686.626
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (III)	5.400.000.000	5.400.000.000
Kinh phí công đoàn	371.840.974	465.891.965
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	429.013.952	271.169.699
Bảo hiểm y tế	30.616.704	231.293.772
Bảo hiểm thất nghiệp	126.537.782	98.699.734
Bảo hiểm xã hội	12.903.088	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.999.814.565	3.962.846.059
	<u>67.068.413.691</u>	<u>69.127.587.855</u>

- (I) Phản ánh khoản phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas) liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư của dự án Bạc Liêu Tower. Công ty có trách nhiệm thanh toán cho PVGas số tiền là 50.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển đổi chủ đầu tư Dự án Bạc Liêu Tower ngày 12 tháng 8 năm 2010 ký giữa Công ty và PVGas. Theo Biên bản làm việc 3 bên giữa UBND tỉnh Bạc Liêu, PVGas và Công ty về phương án chuyển nhượng tòa nhà Bạc Liêu Tower, số tiền trên sẽ được thanh toán thông qua việc đối trừ với số tiền PVGas mua lại tòa nhà Bạc Liêu Tower từ Công ty.
- (II) Phản ánh số phải trả tiền nhận ứng trước lớn hơn giá trị quyết toán các công trình Công ty đã thi công cho Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau.
- (III) Phản ánh khoản phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về nhận chuyển nhượng khoản đầu tư mua 540.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C như trình bày tại Thuyết minh số 13.

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND		VND
Vay ngắn hạn	122.426.630.318	(I)	-	2.887.000.000	119.539.630.318	(I)
	<u>122.426.630.318</u>		<u>-</u>	<u>2.887.000.000</u>	<u>119.539.630.318</u>	

- (I) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư gốc vay ngắn hạn đã quá hạn, chưa được Công ty thanh toán là khoảng 119,5 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 119,5 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn đang tìm các giải pháp để thanh toán cho các khoản gốc vay quá hạn nêu trên.

Chi tiết các khoản vay như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (II)	119.539.630.318	119.539.630.318
Các khoản khác	-	2.887.000.000
	<u>119.539.630.318</u>	<u>122.426.630.318</u>

(ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 001-0012/2013/HDTDHM1-OCEANBANK.CNCAMAU ngày 30 tháng 10 năm 2013 tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (Oceanbank Cà Mau) với hạn mức là 120 tỷ VND, thời hạn cung cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mức lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Khoản vay này được Công ty dùng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất đối với thửa đất có diện tích 2.812,2 m² của Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu tại phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu như đã trình bày tại Thuyết minh số 10.

Trong tổng số lãi vay và lãi phạt chậm trả phải trả cho Oceanbank Cà Mau từ năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 là khoảng 49,6 tỷ VND, Công ty đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các kỳ trước với số tiền khoảng 7,8 tỷ VND (số dư lãi vay phải trả đã được ghi nhận trình bày tại Thuyết minh số 17) và còn khoảng 41,8 tỷ VND chưa được Công ty ghi nhận vào báo cáo tài chính của Công ty.

Ngày 25 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ ("Tòa án") đã tuyên án bản án sơ thẩm số 09/2017/KDTM-ST về vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương ("Oceanbank"). Theo đó, Tòa án tuyên án chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Oceanbank buộc Công ty phải có trách nhiệm trả Oceanbank số nợ gốc vay, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Trong trường hợp Công ty không trả được số nợ nêu trên thì Oceanbank có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngày 8 tháng 5 năm 2017, Công ty đã gửi đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên. Ngày 11 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều đã thông báo sẽ chuyển toàn bộ hồ sơ vụ kiện nêu trên đến Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ để tiếp tục xét xử phúc thẩm. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ chưa tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án nêu trên. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2016					
Số dư đầu kỳ trước	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(294.708.243.540)	254.611.674
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	(3.571.741.092)	(3.571.741.092)
Số dư cuối kỳ trước	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(298.279.984.632)	(3.317.129.418)
Cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2017					
Số dư đầu kỳ này	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(312.232.259.694)	(17.269.404.480)
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	(11.192.681.357)	(11.192.681.357)
Số dư cuối kỳ này	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(323.424.941.051)	(28.462.085.837)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, vốn điều lệ của Công ty là 280.689.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi		Vốn đã góp			
	VND	%	Tại ngày cuối kỳ		Tại ngày đầu kỳ	
			VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	150.000.000.000	53,44%	150.000.000.000	53,44%	150.000.000.000	53,44%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	100.000.000.000	35,63%	100.000.000.000	35,63%	100.000.000.000	35,63%
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	18.202.000.000	6,48%	18.202.000.000	6,48%	18.202.000.000	6,48%
Cổ đông khác	12.487.000.000	4,45%	12.487.000.000	4,45%	12.487.000.000	4,45%
	280.689.000.000	100%	280.689.000.000	100%	280.689.000.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	28.068.900	28.068.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	28.068.900	28.068.900

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, hoạt động chủ yếu của Công ty là thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp trong ngành dầu khí và các công trình tư vấn đầu tư xây dựng tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 22 và Thuyết minh số 23.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

22. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Doanh thu hoạt động tư vấn	1.131.970.599	916.742.727
Doanh thu cung cấp dịch vụ	772.352.095	2.962.072.681
Doanh thu hoạt động xây lắp	137.294.354.266	32.080.189.321
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	1.185.705.371
Doanh thu khác	244.021.976	-
	139.442.698.936	37.144.710.100
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)	136.835.266.242	32.316.708.929

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Giá vốn hoạt động tư vấn	1.189.050.805	733.363.636
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	682.250.402	2.706.989.097
Giá vốn hoạt động xây lắp	135.183.803.150	30.588.178.784
	137.055.104.357	35.128.009.722

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.839.263.025	15.312.114.204
Chi phí nhân công	6.906.861.742	6.659.229.183
Chi phí khấu hao tài sản cố định	345.031.168	481.269.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền	92.495.411.143	20.292.535.645
	146.586.567.078	42.745.148.202

25. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Thuế, lãi phạt chậm nộp (*)	3.488.957.407	-
Ghi nhận tài sản thiếu chờ xử lý vào chi phí	2.952.063.586	-
Chi phí khác	2.835.128.394	972.376.893
	9.276.149.387	972.376.893

(*) Phản ánh các khoản tiền thuế, tiền lãi phạt chậm nộp thuế của Văn phòng Công ty, các chi nhánh của Công ty theo các Thông báo thuế trong kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2017 của Cục Thuế thành phố Cần Thơ và Cục Thuế tỉnh Cà Mau.

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
(Lỗ) trước thuế	(11.192.681.357)	(3.571.741.092)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	2.835.128.394	951.912.883
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.835.128.394	951.912.883
Lỗ năm trước mang sang	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

27. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(11.192.681.357)	(3.571.741.092)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	28.068.900	28.068.900
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(399)	(127)

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

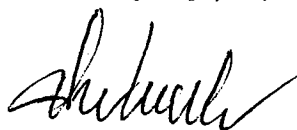
Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cổ đông
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cổ đông
Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

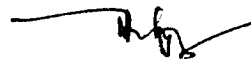
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu	136.835.266.242	32.316.708.929
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	134.285.518.422	21.432.632.793
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	(138.518.265)	7.664.943.246
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành dự án phía Nam	1.569.081.908	714.110.320
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.785.070.510	2.618.477.942
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	(909.908.309)	(113.455.372)
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	244.021.976	-
Mua hàng, dịch vụ	395.922.660	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	395.922.660	-
Thu nhập của Ban Giám đốc	286.062.000	411.048.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu khác hàng	82.813.027.527	92.149.646.599
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	70.991.429.135	76.785.819.241
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.422.953.165	7.571.456.464
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành dự án phía Nam	4.061.983.892	4.387.976.793
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	799.143.506	2.866.876.272
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	275.905.944	275.905.944
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	180.462.054	180.462.054
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	81.149.831	81.149.831
Người mua trả tiền trước	1.000.899.140	15.728.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	13.728.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành dự án phía Nam	-	2.000.000.000
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.000.899.140	-
Phải trả người bán	2.803.632.514	2.803.632.514
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.065.459.814	2.065.459.814
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	738.172.700	738.172.700
Phải trả khác	64.097.686.626	64.097.686.626
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	8.697.686.626	8.697.686.626
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.400.000.000	5.400.000.000



Vũ Đức Tiến
 Người lập biểu



Phan Quốc Phương
 Kế toán trưởng




Trần Quốc Huy
 Giám đốc

Ngày 17 tháng 8 năm 2017